

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1232/2026/DS-PT

Ngày 07-9-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng
thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thái Sơn

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 07 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1258/2026/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2026/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1659/2026/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: số D, đường P, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H (có mặt).

Địa chỉ: số G, đường C, phường B, thành phố Cần Thơ (theo Giấy ủy quyền số 308/GUQ-NHKL ngày 24/7/2026).

- **Bị đơn:**

1. Ông Ngô T, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 tổ D, khu vực Bình Phó B, phường L, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1980.

2. Bà Nguyễn Như T1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: C N, khu phố B, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C và bà T1: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số H, đường X, phường N, thành phố Cần Thơ (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/4/2026).

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng thương mại cổ phần K là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K (sau đây viết tắt là Ngân hàng K) trình bày:

Ngày 01/8/2019, Ngân hàng K cùng ông Trần Văn C có ký kết hợp đồng dịch vụ số 542/HDDV-2019 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng với nội dung: “...Cộng tác viên thực hiện cung ứng dịch vụ cho K1 như sau:

a. Giới thiệu và tư vấn các sản phẩm cho vay theo quy định của K1 trong từng thời kỳ cho khách hàng có nhu cầu vay vốn tại K1.

b. Giới thiệu khách hàng và hỗ trợ thẩm định tín dụng và có nhu cầu vay vốn cho K1 và các Đơn vị trực thuộc...”.

Ngoài hợp đồng dịch vụ vừa nêu, ông Trần Văn C còn giao kết với ngân hàng A hợp đồng khác với nội dung: ông C đại diện ngân hàng trong việc nhận tiền trả góp trực tiếp từ người vay (do ông C đã thẩm định và đề xuất ngân hàng cho vay) và nộp lại tiền cho ngân hàng vào cuối mỗi buổi chiều làm việc; ông C được hưởng hoa hồng bằng 60% của tổng số lãi thu được từ người trả góp trong ngày.

Đồng thời, ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T1 còn cam kết dùng tài sản chung của 02 người để bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng do Trần Văn C thẩm định và đề xuất cho vay. Nội dung và phạm vi bảo đảm nêu trên được thể hiện trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 065/20/HĐTC-BDS/0405-4679 ngày 14/9/2020 đã được ký kết giữa đại diện Ngân hàng K - K với ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T1 được Văn phòng C1 công chứng ngày 14/09/2020. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 377445 (số vào sổ: CH10476) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 20/05/2014 (cập nhật chỉnh lý các ngày 10/06/2014, 20/04/2015, 18/04/2017 và 15/03/2018): số thửa 286, tờ bản đồ 21, đất tọa lạc tại số C N, khu V, phường T, Thành phố Cần Thơ. Tài sản thế chấp

nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N ngày 15/09/2020.

Thực hiện các nội dung thỏa thuận trên, ông Trần Văn C giới thiệu và thẩm định thủ tục xin cấp tín dụng của ông Ngô T và bà Phan Thị Ngọc D; Ngân hàng K đồng ý cho ông Ngô T và bà Phan Thị Ngọc D vay tín chấp số tiền 150.000.000 đồng. Việc vay vốn của ông Ngô T và bà Phan Thị Ngọc D được thể hiện trong Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A958284+86/HĐTD-CC ngày 30/12/2019 và A1126488+90/HĐTD-CC ngày 05/10/2020 chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A958284+86/HĐTD-CC ngày 30/12/2019 chi tiết như sau: Số tiền vay: 100.000.000 đồng. Mục đích vay: Buôn bán - Nhỏ lẻ. Thời hạn vay: 120 ngày (kỳ). Lãi suất vay: 16%/năm (Tương ứng với lãi suất tính theo dư nợ thực tế là 16%/năm). Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời hạn chậm trả (tức là 24%/năm).

2. Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A1126488+90/HĐTD-CC ngày 05/10/2020 chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng. Mục đích vay: Buôn bán - Nhỏ lẻ. Thời hạn vay: 150 ngày (kỳ). Lãi suất vay: 16%/năm (Tương ứng với lãi suất tính theo dư nợ thực tế là 16%/năm). Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời hạn chậm trả (tức là 24%/năm).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô T và bà Phan Thị Ngọc D đã thanh toán cho ngân hàng được 136 ngày (kỳ) tương ứng số tiền 134.693.482 đồng (trong đó gồm 127.258.636 đồng, tiền lãi 7.434.846 đồng). Nay ngân hàng K yêu cầu ông T, bà D thanh toán cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2026 là: 19.224.690 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 7.434.170 đồng; tiền lãi trong hạn là: 433.974 đồng, lãi quá hạn là: 11.356.547 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 15/5/2026 theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A958284+86/HĐTD-CC ngày 30/12/2019 và A1126488+90/HĐTD-CC ngày 05/10/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông T, bà D không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng được yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 65D1-220.12, đồng thời yêu cầu ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 065/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/09/2020; ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT377445 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/05/2014 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng K.

Đối với bị đơn ông Ngô T và bà Phan Thị Ngọc D: vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, bà Nguyễn Như T1 trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông Trần Văn C có tư vấn và giới thiệu sản phẩm trả góp ngày cho khách hàng ông Ngô T và bà Phan Thị Ngọc D. Ông đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Ngân hàng K nên không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản của ông. Ông yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc kê biên, phát mãi tài sản là căn nhà của ông để trả nợ thay cho khách hàng. Ông C bà T1 yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2026/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ tuyên xử:

1. Buộc ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/5/2026 là 19.224.691 đồng (trong đó gốc: 7.430.170 đồng; lãi trong hạn: 433.974 đồng; lãi quá hạn: 11.356.547 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A958284+86/HĐTD-CC ngày 30/12/2019 và A1126488+90/HĐTD-CC ngày 05/10/2020 tạm tính đến ngày 15/5/2026 đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

- Trường hợp ông T, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Đối với tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 65D1-220.12.

- Bác yêu cầu của Ngân hàng đối yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 286, tờ bản đồ số 21, loại đất ở đô thị; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH10476 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 20/5/2014 đứng tên ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T1 (theo Hợp đồng thế chấp số 065/20/HĐTC-BDS/0405-4679 ngày 14/9/2020) để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Ngày 22/5/2026, Ngân hàng K có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 286, tờ bản đồ số 21, loại đất ở đô thị; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH10476 do UBND quận N, thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 20/5/2014 đứng tên ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T1 (theo Hợp đồng thế chấp số 065/20/HĐTC-BDS/0405-4679 ngày 14/9/2020) để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô biển số 65D1-220.12 mà không đủ để thực

hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Ngô T và bà Phan Thị Ngọc D thì Ngân hàng K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 286 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

- *Người đại diện hợp pháp của ông C và bà T1 phát biểu ý kiến:* đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với việc xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của Ngân hàng K được nộp trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận và xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm như sau: “1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. 2. Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật. 3. Trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc luật có quy định”. Trong vụ án này, nghĩa vụ trả nợ của ông T và bà D đã đến hạn và còn dư nợ; do đó, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ được bảo đảm.

[3] Khoản vay của ông T và bà D được bảo đảm bằng nhiều tài sản, trong đó có tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 65D1-220.12 và tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất của ông C, bà T1. Tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định: “Một nghĩa vụ có thể được bảo đảm thực hiện bằng nhiều biện pháp bảo đảm. Trường hợp nghĩa vụ này bị vi phạm mà bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm không có thỏa thuận về việc lựa chọn áp dụng biện pháp bảo đảm thì bên nhận bảo đảm lựa chọn biện pháp bảo đảm để áp dụng hoặc áp dụng tất cả các biện pháp bảo đảm”. Quy định này thể hiện rõ quyền lựa chọn của bên nhận bảo đảm khi một nghĩa vụ được bảo đảm bằng nhiều biện pháp. Từ quy định nêu trên cho thấy, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý cả tài sản cầm cố của ông T, bà D và tài sản thế chấp của ông C và bà T1 đối với Ngân hàng để thu hồi nợ là có căn cứ.

[4] Cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng cầm cố tài sản giữa ông T, bà D với

Ngân hàng K và hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông C, bà T1 với Ngân hàng K là hợp pháp và tuyên phát mãi tài sản cầm cố trong trường hợp ông T, bà D không trả nợ cho Ngân hàng K là có căn cứ. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm không tuyên xử lý tài sản thế chấp của ông C, bà T1 là tuyên chưa đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện phát biểu ý kiến yêu cầu được ưu tiên phát mãi tài sản cầm cố là xe mô tô mang biển số 65D1-220.12 trước, trường hợp sau khi phát mãi tài sản cầm cố mà số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu được tiếp tục xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba là ông C, bà T1 để thu hồi nợ. Xét thấy, đây là ý kiến tự nguyện của phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định như nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, cần sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần xử lý tài sản bảo đảm theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, việc sửa một phần bản án có nguyên nhân phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 299, 309, 314, 317 và 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 5 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 221/2026/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bị đơn ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D.

2. Buộc ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/5/2026 là 19.224.691đ (Mười chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi mốt đồng (trong đó gốc: 7.430.170đ (Bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn một trăm bảy mươi đồng); nợ lãi trong hạn là: 433.974đ (Bốn trăm ba mươi ba nghìn

chín trăm bảy mươi bốn đồng); lãi quá hạn là: 11.356.547đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A958284+86/HĐTD-CC ngày 30/12/2019 và A1126488+90/HĐTD-CC ngày 05/10/2020 tạm tính đến ngày 15/5/2026 đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho nguyên đơn.

4. Về xử lý tài sản bảo đảm:

- Trường hợp ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản cầm là xe mô tô, mang biển số 65D1-220.12 để thu hồi nợ.

- Trường hợp sau khi xử lý tài sản cầm cố là xe mô tô, mang biển số 65D1-220.12 mà số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D đối với Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 286, tờ bản đồ số 21, loại đất ở đô thị; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH10476 do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 20/5/2014 đứng tên ông Trần Văn C và bà Nguyễn Như T1 (theo Hợp đồng thế chấp số 065/20/HĐTC-BDS/0405-4679 ngày 14/9/2020) và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Ngô T, bà Phan Thị Ngọc D có nghĩa vụ chịu 961.235đ (Chín trăm sáu mươi một nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K nhận 440.663đ (Bốn trăm bốn mươi nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm án phí, lệ phí Tòa án số 0006982 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K nhận 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm án phí, lệ phí Tòa án số 0011413 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Bằng